

Số: /QĐ-UBND

Bạch Đằng, ngày tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu chuyên môn Dân số và Trẻ em năm 2026

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BẠCH ĐĂNG

Căn cứ Nghị quyết số 1669/QH-UBTVQH ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025;

Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-BYT ngày 23/6/2025 của Bộ Y tế Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BYT ngày 15/11/2025 của Bộ Y tế về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trạm Y tế xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 53/2025/TT-BYT ngày 31/12/2025 của Bộ Y tế về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2025/TT-BYT ngày 15/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 681/QĐ-SYT ngày 09/02/2026 của Sở y tế Hải Phòng về việc giao chỉ tiêu chuyên môn Dân số và Trẻ em năm 2026.

Theo đề nghị của Phòng Văn hóa - Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu chuyên môn về Dân số và Trẻ em năm 2026 cho các Tổ dân phố trên địa bàn phường Bạch Đằng (Chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Phòng Văn hóa - Xã hội, Trạm Y tế phường Bạch Đằng có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo các phòng ban liên quan phối hợp thực hiện các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực quản lý, xây dựng kế hoạch, giao chỉ tiêu cho các địa bàn tổ dân phố, cộng tác viên; tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 bảo đảm chất lượng, hiệu quả và báo cáo kết quả thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3: Giao Trạm Y tế phường Bạch Đằng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026.

Điều 4. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các Tổ dân phố có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Sở y tế;
- CT, các PCT UBND phường;
- Lưu: VT;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Quang Thanh

Phụ lục 01
GIAO CHỈ TIÊU CHUNG VỀ DÂN SỐ VÀ TRẺ EM NĂM 2026
(Chỉ tiêu giao về Tổ dân phố cấp phường.

Phòng Văn hóa- Xã hội triển khai theo chỉ đạo của UBND cấp phường)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 02/2026 của UBND phường)

Toàn thành phố phấn đấu:

- Điều chỉnh mức sinh: +0,1 ‰
- Mức giảm tỷ số giới tính khi sinh: -0,3 điểm ‰
- Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp: >96%

STT	UBND cấp phường	Dân số trung bình (46,957 người)	Số trẻ sinh ra sống trong năm (trẻ)	Tỷ lệ trẻ nam/trẻ nữ khi sinh	Tỷ suất sinh (‰)	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp (%)
	Phường Bạch Đằng	46.957	507	111,5	10,8	>96
1	TDP 1 Minh Tân		12			
2	TDP 2 Minh Tân		14			
3	TDP 3 Minh Tân		11			
4	TDP 4 Minh Tân		14			
5	TDP 5 Minh Tân		14			
6	TDP 6 Minh Tân		11			
7	TDP 7 Minh Tân		12			
8	TDP 8 Minh Tân		14			
9	TDP 9 Minh Tân		11			
10	TDP 10 Minh Tân		14			
11	TDP 1 Gia Đức		16			
12	TDP 2 Gia Đức		18			
13	TDP 3 Gia Đức		12			
14	TDP 4 Gia Đức		13			
15	TDP Giá Gia Đức		26			
16	TDP 1 Gia Minh		15			
17	TDP 2 Gia Minh		11			
18	TDP Thủy Minh		20			
19	TDP Bạch Đằng		11			

20	TDP Chiến Thắng		17			
21	TDP Đà Nẵng		15			
22	TDP Hoàng Tôn		18			
23	TDP Quyết Hùng		11			
24	TDP Quyết Tâm		15			
25	TDP Quyết Thắng		14			
26	TDP Quyết Thành		14			
27	TDP Quyết Tiến		12			
28	TDP 1 Ngũ Lão		14			
29	TDP 2 Ngũ Lão		11			
30	TDP 3 Ngũ Lão		11			
31	TDP 4 Ngũ Lão		9			
32	TDP 5 Ngũ Lão		11			
33	TDP 6 Ngũ Lão		10			
34	TDP 7 Ngũ Lão		15			
35	TDP 8 Ngũ Lão		12			
36	TDP 9 Ngũ Lão		10			
37	TDP 10 Ngũ Lão		9			
38	TDP 11 Ngũ Lão		10			

Phụ lục 02
GIAO CHỈ TIÊU CHUYÊN MÔN DÂN SỐ VÀ KHHGD NĂM 2026
(Chỉ tiêu giao cho các Tổ dân phố thực hiện)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 02/2026 của UBND phường Bạch Đằng)

STT	TYT cấp xã triển khai thực hiện	Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ (80%)	Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn (95%)	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) đủ 4 bệnh (Down, Edward, Patau, Thalassemia) (85%)	Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) đủ 5 bệnh (suy giáp trạng bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh, tim bẩm sinh) (89%)	Tổng số người mới sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại (người)	Trong đó				
							Đặt DCTC	Bao cao su	Thuốc uống tránh thai	Thuốc tiêm tránh thai	Thuốc cấy tránh thai
Toàn phường Bạch Đằng		6.590	178	561	452	1.468	370	590	500	5	3
I	Minh Tân	1.808	38	145	113	306	110	110	85	1	0
1	TDP 1 Minh Tân	140	4	14	11	30	11	9	10		0
2	TDP 2 Minh Tân	173	4	16	13	29	10	10	9		0
3	TDP 3 Minh Tân	142	3	13	10	25	10	7	8		0
4	TDP 4 Minh Tân	212	4	16	12	36	12	12	12		0
5	TDP 5 Minh Tân	192	4	15	12	34	12	10	12		0
6	TDP 6 Minh Tân	163	3	13	10	25	10	9	5	1	0
7	TDP 7 Minh Tân	254	4	14	11	34	12	14	8		0
8	TDP 8 Minh Tân	236	4	16	12	33	12	14	7		0

9	TDP 9 Minh Tân	159	4	13	10	29	10	13	6		0
10	TDP 10 Minh Tân	137	4	15	12	31	11	12	8		0
II	Gia Đức	704	40	107	76	326	46	135	143	1	1
1	TDP 1 Gia Đức	102	8	21	14	55	9	20	25	1	0
2	TDP 2 Gia Đức	120	8	23	16	78	10	33	35	0	0
3	TDP 3 Gia Đức	115	5	15	11	46	7	23	16	0	0
4	TDP 4 Gia Đức	151	6	17	12	49	8	22	19	0	0
5	TDP Giá Gia Đức	216	13	31	23	98	12	37	48	0	1
III	Gia Minh	522	18	39	41	171	39	65	65	1	1
1	TDP 1 Gia Minh	142	5	11	12	52	11	21	20	0	0
2	TDP 2 Gia Minh	128	4	10	11	51	10	19	20	1	0
3	TDP Thủy Minh	252	9	18	18	68	18	25	25	0	1
IV	Minh Đức	1.880	40	130	113	350	90	150	108	1	1
1	TDP Bạch Đằng	175	4	12	10	30	9	14	7	0	0
2	TDP Chiến Thắng	295	6	18	15	48	12	26	10	0	0
3	TDP Đà Nẵng	188	4	16	14	37	11	12	13	1	0
4	TDP Hoàng Tôn	307	5	17	16	48	11	21	16	0	0
5	TDP Quyết Hùng	165	4	13	10	24	9	9	6	0	0

6	TDP Quyết Tâm	184	3	15	13	37	10	14	13	0	0
7	TDP Quyết Thắng	214	6	14	12	41	9	18	13	0	1
8	TDP Quyết Thành	220	4	13	12	41	10	15	16	0	0
9	TDP Quyết Tiên	132	4	12	11	44	9	21	14	0	0
V	Ngũ Lão	1.676	42	140	109	315	85	130	99	1	0
1	TDP 1 Ngũ Lão	160	4	15	12	30	8	12	10	0	0
2	TDP 2 Ngũ Lão	158	5	14	10	27	8	10	9	0	0
3	TDP 3 Ngũ Lão	145	2	12	10	29	5	14	9	1	0
4	TDP 4 Ngũ Lão	142	5	10	9	24	7	9	8	0	0
5	TDP 5 Ngũ Lão	155	5	11	10	26	8	10	8	0	0
6	TDP 6 Ngũ Lão	145	3	12	9	30	6	15	9	0	0
7	TDP 7 Ngũ Lão	170	7	15	13	35	10	13	12	0	0
8	TDP 8 Ngũ Lão	150	3	12	10	32	7	16	9	0	0
9	TDP 9 Ngũ Lão	166	3	13	9	28	9	10	9	0	0
10	TDP 10 Ngũ Lão	140	3	14	8	28	8	12	8	0	0
11	TDP 11 Ngũ Lão	145	2	12	9	26	9	9	8	0	0

Phụ lục 03
GIAO CHỈ TIÊU CHUYÊN MÔN DÂN SỐ VÀ KHHGD NĂM 2026
(Chỉ tiêu giao cho Tổ dân phố triển khai thực hiện)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 02/2026 của UBND phường Bạch Đằng)

STT	TYT cấp xã triển khai thực hiện	Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ (%)	Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn (%)	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) đủ 4 bệnh (Down, Edward, Patau, Thalassemia) (%)	Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) đủ 5 bệnh (suy giáp trạng bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh, tim bẩm sinh) (%)	Tổng số người mới sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại (người)	Trong đó				
							Đặt DCTC	Bao cao su	Thuốc uống tránh thai	Thuốc tiêm tránh thai	Thuốc cấy tránh thai
1	Minh Tân	80	95	85	89	306	110	110	85	1	0
2	Gia Đức	80	95	85	89	326	46	135	143	1	1
3	Gia Minh	80	95	85	89	171	39	65	65	1	1
4	Minh Đức	80	95	85	89	350	90	150	108	1	1
5	Ngũ Lão	80	95	85	89	315	85	130	99	1	0
PHƯỜNG		80	95	85	89	1.468	370	590	500	5	3